TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tư do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02/3/2020
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Hồng;
2. Bà Dương Thị Hoa.
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Sầm Thị Tươi - Thư ký Toà án nhân dân HUYỆN S, tỉnh Lào Cai.
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân HUYỆN S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa***:
Ông Lù Xuân Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân HUYỆN S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Ch sinh năm 1983.
Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã S (nay là TDP P, TT S), HUYỆN S, tỉnh Lào Cai;
Nơi ở hiện nay: Thôn SCH, xã CH, HUYỆN S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Thào Ch sinh năm 1982.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã S (nay là TDP P, TT S), HUYỆN S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.
3. Người phiên dịch của nguyên đơn Giàng Ch là ông L S V sinh năm 1977;
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã S, HUYỆN S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Thào Ch về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 không đăng ký kết hôn mà chỉ được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, đến ngày 05 tháng 08 năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã S, HUYỆN S, tỉnh Lào Cai. Kể từ khi được hai

bên gia đình tổ chức cưới hỏi vợ chồng chị sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do có bất đồng với nhau trong trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, anh Ch chơi bời bán hết các tài sản trong gia đình không bàn bạc với chị và không quan tâm chăm lo đến gia đình, thường xuyên đánh đập chị và chửi các con, vì vậy mà vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nhưng chị mong muốn vợ chồng có thể hòa thuận hạnh phúc nên tháng 8 năm 2019 chị cùng anh Ch đã tự nguyện đăng ký kết hôn nhưng sau đó vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Do mâu thuẫn và không thể sống chung cùng nhau được nữa từ tháng 09/2019 chị đã đưa hai con là cháu Thào Thị L Và Thào Thị D về nhà bố mẹ đẻ tại thôn SCH, xã CH, HUYỆN S, tỉnh Lào Cai sinh sống cho đến nay hai vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với Anh Thào Ch để đảm bảo cuộc sống riêng của mỗi người.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 03 con chung là các cháu Thào Seo Th sinh ngày 03/10/2005, Thào Thị L sinh ngày 25/12/2007 và cháu Thào Thị D sinh ngày 05/6/2013 cả ba cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay cháu Th đang ở cùng với anh Ch còn cháu L và D đang trực tiếp ở cùng với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Thào Thị L Và Thào Thị D cho đến khi cháu L và D đủ 18 tuổi; để anh Ch được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Thào Seo Th cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Về quan hệ tài sản, quyền và nghĩa vụ về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Những tài liệu, chứng cứ chị Ch đã nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn (Ch + Ch); trích lục khai sinh của các cháu Thào Seo Th, Thào Thị L Và Thào Thị D; bản sao chứng thực giấy chứng minh nhân dân của Chị Giàng Ch và Anh Thào Ch; bản sao chứng thực sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Thào Seo Ch; 01 đơn xin xác nhận việc làm và thu nhập của Chị Giàng Ch.

2. Bị đơn chị Anh Thào Ch trình bày:

Về thời gian chung sống với nhau, về điều kiện, địa điểm và hoàn cảnh đăng ký kết hôn cũng như quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị Ch trình bày là hoàn toàn đúng. Tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng nay chị Ch đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Ch có với nhau 03 người con chung họ tên ngày tháng năm sinh như chị Ch trình bày là đúng. Anh không đồng ý ly hôn với chị Ch, trường hợp mà vợ chồng anh ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu Thào Seo Th sinh ngày 03/10/2005, Thào Thị L sinh ngày 25/12/2007 và cháu Thào Thị D sinh ngày 05/6/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Ch phải cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề tự do chủ yếu là làm ruộng nương để sinh sống, thu nhập chỉ đủ chi tiêu cuộc sống hàng ngày của mấy bố con.

Về quan hệ tài sản, quyền và nghĩa vụ về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của mình là có căn cứ và hợp pháp: Bị đơn không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN S phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

3.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án; việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68 của Bộ luật tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của Bộ luật tố tụng dân sự; về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại các Điều 195, 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 243, 249, 250 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 237 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 71; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho Chị Giàng Ch được ly hôn với Anh Thào Ch.

- Về nuôi con sau khi ly hôn: Giao cháu Thào Thị L sinh ngày 25/12/2007 và cháu Thào Thị D sinh ngày 05/6/2013 cho Chị Giàng Ch trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L và D đủ 18 tuổi; giao cháu Thào Seo Th cho Anh Thào Ch trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, Anh Thào Ch và Chị Giàng Ch không ai phải cấp dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ch và anh Ch cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã S, HUYỆN S, do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân HUYỆN S, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, ngày 27/02/2020 bị đơn Thào Seo Ch nộp đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ch và anh Ch về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng khi đó anh chị chưa Đăng ký kết hôn mà chỉ được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, đến ngày 05 tháng 08 năm 2019 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã S, HUYỆN S, tỉnh Lào Cai, vào thời điểm này anh chị không vi phạm về điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc chị Ch kiện ly hôn anh Ch, Tòa án xét thấy:

Từ khi anh chị về chung sống với nhau như vợ chồng (năm 2003) tình cảm vợ chồng hạnh phúc cho đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do có bất đồng với nhau trong trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, anh Ch chơi bời bán hết các tài sản trong gia đình không bàn bạc với vợ và không quan tâm chăm lo đến gia đình, thường xuyên đánh đập vợ và chửi các con, vì vậy mà vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng và không thể sống chung cùng nhau được nữa nên chị Ch đã đưa hai con là cháu Thào Thị L Và Thào Thị D về nhà bố mẹ đẻ tại thôn SCH, xã CH, HUYỆN S, tỉnh Lào Cai sinh sống từ tháng 09/2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy do mâu thuẫn vợ chồng mà anh chị đã sống ly thân hẳn từ tháng 09/2019 cho đến nay mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau, ai chỉ biết việc của người đó thể hiện vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Do vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho Chị Giàng Ch được ly hôn Anh Thào Ch là phù hợp.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị Ch và anh Ch có 03 con chung là cháu Thào Seo Th sinh ngày 03/10/2005, cháu Thào Thị L sinh ngày 25/12/2007 và cháu Thào Thị D sinh ngày 05/6/2013 các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, sau khi ly hôn chị Ch có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Thào Thị L Và Thào Thị D cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; giải quyết cho Anh Thào Ch được trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Thào Seo Th cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Anh Ch là người lười lao động, ham chơi bời bán hết tài sản trong gia đình không bàn bạc hoặc thỏa thuận với chị Ch, không quan tâm chăm lo đến gia đình và thường xuyên đánh đập vợ con, anh chủ yếu làm ruộng nương để sinh sống, thu nhập hàng tháng chỉ đủ chi tiêu cuộc sống hàng ngày của mấy bố con, xác minh tại UBND xã S thì trường hợp mà Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh Ch chỉ có khả năng trực tiếp nuôi được 01 người con, biên bản ghi ý kiến của con từ đủ 7 tuổi trở lên khi bố mẹ ly hôn thì cháu Th có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với bố còn cháu L có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với mẹ sau khi ly hôn, còn chị Ch làm nghề buôn bán hàng thổ cẩm có thu nhập ổn định được khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Xét đến quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển về thể chất, tinh thần về lâu dài của con, ý kiến của các con nên Hội đồng xét xử giao cho hai cháu Thào Thị L và cháu Thào Thị D cho chị Ch được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Thào Seo Th cho anh Ch được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định của pháp luật.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Cả chị Ch và anh Ch có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy anh chị có 03 người con chung, chị Ch làm nghề buôn bán hàng thổ cẩm có mức thu nhập ổn định được khoảng 6.000.000 đồng/tháng còn anh Ch làm nghề trồng trọt thu nhập chỉ đảm bảo cuộc sống hàng ngày của mấy bố con nên không buộc anh Ch và chị Ch phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, vẫn đảm bảo cho sự phát triển của các cháu.

[5] Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Giàng Ch và Anh Thào Ch không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Giàng Ch phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Giàng Ch được ly hôn với Anh Thào Ch

2. Về nuôi con sau khi ly hôn: Giao hai cháu Thào Thị L sinh ngày 25/12/2007 và cháu Thào Thị D sinh ngày 05/6/2013 cho cho Chị Giàng Ch được

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L và D đủ 18 tuổi; giao cháu Thào Seo Th sinh ngày 03/10/2005 cho Anh Thào Ch được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Anh Thào Ch và Chị Giàng Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn Chị Giàng Ch và Anh Thào Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Giàng Ch phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003794 ngày 11/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN S, tỉnh Lào Cai. Chị Ch đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S;
- UBND xã S,
H. S, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng